

SỞ Y TẾ QUẢNG TRỊ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
KHU VỰC TRIỆU PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /CV- BVĐK
(Về việc Cập nhật đăng tải
danh sách người hành nghề khám
chữa bệnh lên công thông tin điện tử
Sở Y tế)

Triệu Phong, ngày 10 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Sở Y tế Quảng Trị

Thực hiện nghị định 96/NĐ-CP ngày 30/12/2023 về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong xin gửi bản Danh sách người đăng ký khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong có cập nhật mới. Kính đề nghị Sở Y tế Quảng Trị cập nhật danh sách người đăng ký khám bệnh, chữa bệnh lên công thông tin điện tử Sở Y tế. (Phụ lục kèm theo)

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHNV- ĐD.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ
TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

- Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong
- Địa chỉ: Số 07 Đặng Thĩ – xã Triệu Phong – tỉnh Quảng Trị
- Thời gian hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 24h/24h
- Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

| TT | Họ và tên | Số giấy phép hành nghề/số chứng chỉ hành nghề | Phạm vi hành nghề | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ² | Vị trí chuyên môn ³ | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) ⁴ |
|-----------------------|-----------------------|--|---|---|--|---|
| Ban lãnh đạo | | | | | | |
| 1. | Hoàng Thanh Hải | 000796/QT-CCHN; 890/QĐ-SYT; 2588/QĐ-SYT; 437/QĐ-TTYTTP | Chuyên khoa Ngoại; Khám chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh; Kỹ thuật Siêu âm, Kỹ thuật Sản khoa và Phẫu thuật Nội soi | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Giám đốc, Người chịu trách nhiệm CMKT, BSCKII, Bác sĩ điều trị | Không |
| 2. | Hoàng Trọng | 0002651/QT-CCHN; 726/QĐ-SYT; 464/QĐ-TTYTTP | CK RHM, KCB Đa khoa, Kỹ thuật điện tim | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phó giám đốc, BSCKI, Bác sĩ điều trị | Không |
| 3. | Nguyễn Nhật Trường | 001285/QT-CCHN; 475/QĐ-TTYTTP; 441/QĐ-SYT | Đa khoa, Kỹ thuật Siêu âm tim và điện tim; Chuyên khoa Nhi | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phó giám đốc, Trưởng khoa Khám bệnh, BSCKI, Bác sĩ điều trị | Không |
| Khoa khám bệnh | | | | | | |
| 4. | Võ Tuấn Anh | 0002541/QT-CCHN; 466/QĐ-TTYTTP; 34/QĐ-TTYTTP; 438/QĐ-TTYTTP | Khám chữa bệnh đa khoa, Kỹ thuật Siêu âm và kỹ thuật điện tim, Kỹ thuật nội soi tiêu hóa; Chụp và đọc Xquang | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phó trưởng khoa, Bác sĩ điều trị | Không |
| 5. | Trần Thị Ngọc Bích | 000288/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Điều dưỡng trưởng khoa, Điều dưỡng viên | Không |
| 6. | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 001554/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 7. | Bùi Thị Nghĩa | 0001791/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |

| | | | | | | |
|-----|-----------------------|-----------------|--|---|-----------------|-------|
| 8. | Lê Thị Hiền | 000281/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 9. | Lê Thị Kim Ngân | 000292/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 10. | Nguyễn Thị Thanh Thúy | 0001778/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 11. | Lê Thị Nhân | 000508/QT-GPHN | Điều dưỡng | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 12. | Trần Thị Ngọc Hiền | 004224/TTH-CCHN | Theo quy định của Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT- BNV | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 13. | Lê Thị Thanh Nhân | 000286/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |

Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực

| | | | | | | |
|-----|--------------------|--|--|---|---|-------|
| 14. | Phan Tuấn | 000265/QT-CCHN; 1248/QĐ-SYT; 289/QĐ-SYT; 467/QĐ-TTYTTP | Đa khoa; Phục hồi chức năng; Chuyên khoa Nội; Kỹ thuật điện tim, Siêu âm bụng và Nội soi tiêu hoá | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Trưởng khoa, BSCKI, Bác sĩ điều trị | Không |
| 15. | Phan Đức Huy | 004094/QT-CCHN; 273/QĐ-TTYTTP; 284/QĐ-TTYTTP; 442/QĐ-TTYTTP; 1311/QĐ-SYT; 77/QĐ-TTYTTP; | Khám chữa bệnh đa khoa; Kỹ thuật siêu âm; Kỹ thuật siêu âm tim; Đo và đọc chức năng hô hấp; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức; Đo và đọc kết quả điện tâm đồ | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Phó trưởng khoa, BSCKI, Bác sĩ điều trị | Không |
| 16. | Trần Thị Thu Sương | 000318/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng trưởng khoa, Điều dưỡng viên | Không |
| 17. | Nguyễn Thị Huê | 000279/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 18. | Trần Thị Hồng Gấm | 000278/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 19. | Nguyễn Thị Nhã | 000282/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |

Khoa Liên chuyên khoa

| | | | | | | |
|-----|------------|--|--|---|---|-------|
| 20. | Lê Văn Kha | 000269/QT-CCHN; 1250/QĐ-SYT; 468/QĐ-TTYTTP | Đa khoa; CK RHM; Kỹ thuật Nội soi tai, mũi, họng | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; | Trưởng khoa, BSCKI, Bác sĩ điều trị | Không |
|-----|------------|--|--|---|---|-------|

| | | | | | | |
|-----|-----------------------|---|--|---|---|--|
| | | | | Trực 24/24h) | | |
| 21. | Nguyễn Thị Thùy Trinh | 001548/QT-CCHN 978/QĐ-SYT; 469/QĐ-TTYTTP 202/QĐ-TTYTTP | KCB Đa khoa, CK Mắt; Kỹ thuật Nội soi TMH và điện tim; Kỹ thuật Phục hồi chức năng | 2,3,4,5,6 (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Trưởng phòng, BSCKI, Bác sĩ điều trị | Không |
| 22. | Nguyễn Trọng Hiệp | 004196/QT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt | 7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Phó trưởng khoa, Bác sĩ RHM | BVĐK khu vực Triệu Phong – Cơ sở 2 2,3,4,5,6 (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) |
| 23. | Trần Tôn Nữ Kiều Anh | 0002593/QT-CCHN; 479/QĐ-TTYTTP, 34/QĐ-SYT | Khám chữa bệnh đa khoa, Kỹ thuật Nội soi TMH, Chuyên khoa Tai mũi họng | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | BSCKI, Bác sĩ điều trị | Phòng khám bác sĩ y khoa Phúc An Phát (Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị) 2,3,4,5,6,7,CN (11h30-13h00; 17h15-20h00) |
| 24. | Nguyễn Thị Quỳnh Ngọc | 003545/QT-CCHN | Chuyên khoa Răng Hàm Mặt | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Bác sĩ RHM | Không |
| 25. | Trần Thị Thùy Trang | 000140/QT-GPHN | Răng hàm mặt | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Bác sĩ RHM | Không |
| 26. | Cao Thị Cẩm Bình | 004492/QT-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Bác sĩ RHM | Không |
| 27. | Trần Thị Thu Vân | 000289/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng trưởng khoa, Điều dưỡng viên | Không |
| 28. | Lê Thị Ty | 003381/QT-CCHN | Điều dưỡng hạng IV | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 29. | Lê Thị Nguyệt Hà | 0002225/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 30. | Nguyễn Thị Như Anh | 001630/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 31. | Nguyễn Thị Trung | 000345/QT-CCHN | Chuyên khoa Gây mê Hồi sức | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Kỹ thuật viên | Không |
| 32. | Đoàn Thị Ý | 0002416/QT-CCHN | Điều dưỡng gây mê Hồi sức | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |

| | | | | | | |
|--------------------------------------|----------------------|---|---|---|---|-------|
| 33. | Trần Thị Liên | 008112/ĐL-CCHN | Thực hiện theo thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng- gây mê hồ sức | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| Khoa Nội – Nhi - Truyền nhiễm | | | | | | |
| 34. | Trần Kim | 000272/QT-CCHN; 470/QĐ-TTYTTP; 13/QĐ-TTYTTP; 938/QĐ-TTYTTP | Đa khoa, Kỹ thuật Siêu âm, Đo mật độ loãng xương bằng kỹ thuật DEXA; Kỹ thuật điện tim | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Trưởng khoa, Bác sĩ điều trị | Không |
| 35. | Hồ Việt Anh | 000267/QT-CCHN; 471/QĐ-TTYTTP; 939/QĐ-TTYTTP | Đa khoa, Kỹ thuật chụp và đọc X Quang, Kỹ thuật nội soi tiêu hoá; Kỹ thuật điện tim | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Phó trưởng khoa, Bác sĩ điều trị | Không |
| 36. | Nguyễn Thị Hà Lan | 003546/QT-CCHN, 472/QĐ-TTYTTP; 242/QĐ-TTYTTP | Khám chữa bệnh đa khoa; Kỹ thuật điện tim; Kỹ thuật tiêm khớp | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Phó trưởng khoa, Bác sĩ điều trị | Không |
| 37. | Dương Văn Thịnh | 004220/QT-CCHN; 188/QĐ-TTYTTP; 332/QĐ-TTYTTP; 730/QĐ-TTYTTP 1056/QĐ-SYT 05/QĐ-TTYTTP | Khám, chữa bệnh đa khoa; Nội soi Tiêu hóa; Kỹ thuật Siêu âm; Kỹ thuật Nội soi Tai mũi họng; Bổ sung chuyên khoa Nhi khoa; Kỹ thuật điện tim | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | BSCKI, Bác sĩ điều trị | Không |
| 38. | Lê Nhật Hưng | 0001246/QT-CCHN | Đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Y sĩ | Không |
| 39. | Nguyễn Thị Diệu | 000284/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng trưởng khoa, Điều dưỡng viên | Không |
| 40. | Trần Thị Thu Hạnh | 0002688/QT-CCHN | Điều dưỡng hạng IV | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 41. | Nguyễn Thị Ngọc Châu | 000310/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 42. | Nguyễn Thị Bé | 000334/QT-CCHN | Hộ sinh | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Hộ sinh viên | Không |
| 43. | Nguyễn Thị Băng Tâm | 000280/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 44. | Đỗ Thị Thu Nguyệt | 000283/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 45. | Nguyễn Thị Thu Thủy | 001666/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; | Điều dưỡng viên | Không |

| | | | | | | |
|-----|-----------------------|----------------------------------|---|---|--------------------------------------|-------|
| | | | | Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | | |
| 46. | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 000333/QT-CCHN; 202/QĐ-TTYTTP | Theo quy định của Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV; Thực hiện Kỹ thuật Phục hồi chức năng | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Phó trưởng phòng, Điều dưỡng viên | Không |
| 47. | Hồ Thị Kiều Oanh | 001230/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 48. | Nguyễn Thị Lành | 000291/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 49. | Phan Thị Thúy Hằng | 000509/QT-GPHN | Điều dưỡng | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 50. | Đoàn Thị Kiều Mai Ly | 003594/TTH-CCHN | Khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Y sĩ | Không |

Khoa Ngoại – Phụ sản – Phẫu thuật

| | | | | | | |
|-----|------------------------|--|---|---|--------------------------------------|-------|
| 51. | Nguyễn Nhật Linh | 000092/QT-CCHN; 727/QĐ-SYT ; 473/QĐ-TTYTTP | Chuyên khoa RHM; KCB đa khoa; Kỹ thuật Nội soi TMH; 71 kỹ thuật chuyên khoa ngoại chấn thương chỉnh hình | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Trưởng khoa, Bác sĩ điều trị | Không |
| 52. | Nguyễn Minh Sang | 004205/QT-CCHN; 944/QĐ-TTYTTP 1057/QĐ-SYT | Khám, chữa bệnh đa khoa; Kỹ thuật Chấn thương chỉnh hình, Kỹ thuật Sản khoa và Phẫu thuật Nội soi; Bổ sung chuyên khoa Ngoại khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | BSCKI, Bác sĩ điều trị | Không |
| 53. | Lê Văn Hiếu | 003541/QT-CCHN; 83/QĐ-SYT | Khám chữa bệnh và cấp cứu thông thường và sơ cứu, Kỹ thuật bó bột | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Y sĩ làm công tác hành chính | Không |
| 54. | Hoàng Thị Kim Quy | 001199/QT-CCHN | Hộ sinh | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng trưởng khoa, Hộ sinh viên | Không |
| 55. | Phan Thị Trang Lữ | 000330/QT-CCHN | Hộ sinh | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Hộ sinh viên | Không |
| 56. | Nguyễn Thị Hậu | 000331/QT-CCHN | Hộ sinh | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Hộ sinh viên | Không |
| 57. | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | 000328/QT-CCHN | Hộ sinh | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Hộ sinh viên | Không |

| | | | | | | |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---|-----------------|-------|
| 58. | Nguyễn Thị Thu Thủy | 0001231/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 59. | Lê Thị Hồng Thiện | 000335/QT-GPHN | Hộ sinh | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Hộ sinh viên | Không |

Khoa Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng

| | | | | | | |
|-----|---------------------|----------------------------------|---|---|--------------------------|--|
| 60. | Đoàn Thị Hải Hà | 003849/QT-CCHN; 13/QĐ-TTYTTP | Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Thực hiện Kỹ thuật VLTL-PHCN | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Trưởng khoa, Bác sĩ YHCT | Phòng khám YHCT (Kiệt 35 Lê Duẩn, KP2, Phường 2, TP Đông Hà, Quảng Trị) 2,3,4,5,6,7,CN (11h30-13h30; 17h00-21h00) |
| 61. | Phan Thị Hồng Sương | 003548/QT-CCHN; 16/QĐ-TTYTTP | Khám chữa bệnh bằng YHCT; Thực hiện Kỹ thuật VLTL-PHCN | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Bác sĩ YHCT | Không |
| 62. | Võ Văn Hùng | 004466/QT-CCHN; 80/QĐ-TTYTTP | Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền; Thực hiện Kỹ thuật VLTL-PHCN | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Bác sĩ YHCT | Không |
| 63. | Văn Thị Hoài Nhi | 003764/QT-CCHN; 83/QĐ-TTYTTP | Điều dưỡng; Thực hiện Kỹ thuật VLTL-PHCN | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng | Không |
| 64. | Nguyễn Thị Bích Vân | 0002472/QT-CCHN; 19/QĐ-TTYTTP | Khám, chữa bệnh bằng YHCT; Thực hiện Kỹ thuật VLTL-PHCN | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Y sĩ YHCT | Không |
| 65. | Võ Thị Trang | 001320/QT-CCHN 867/QĐ-SYT | Khám chữa bệnh bằng YHCT, Chuyên khoa VLTL PHCN | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Y sĩ YHCT | Không |
| 66. | Hoàng Thị Mơ | 001228/QT-CCHN, 424/QĐ-SYT | Điều dưỡng đa khoa, VLTL-PHCN | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 67. | Hoàng Thị Kim Ngọc | 001622/QT-CCHN | Chuyên khoa Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 68. | Trần Thị Kiều Vân | 000357/QT-CCHN; 18/QĐ-TTYTTP | Chuyên khoa YHCT; Thực hiện Kỹ thuật VLTL-PHCN | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Y sĩ YHCT | Không |
| 69. | Lê Thị Diễm Chi | 004213/QT-CCHN | Phục hồi chức năng | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Kỹ thuật viên PHCN | Không |
| 70. | Lê Thị Kim Anh | 001678/QT-CCHN | Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Kỹ thuật viên VLTL-PHCN | Không |
| 71. | Trương Thị Đạo Sinh | 003611/QT-CCHN | Vật lý trị liệu, PHCN | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; | Kỹ thuật viên VLTL-PHCN | Không |

| | | | | | | |
|---|--------------------------|----------------|--------------------|---|---|---|
| | | | | Trực 24/24h) | | |
| Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh | | | | | | |
| 72. | Nguyễn Dương | 000042/QT-CCHN | Xét nghiệm Y khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Trưởng khoa, CN Xét nghiệm | Không |
| 73. | Lê Kim Trung | 000043/QT-CCHN | Chụp X Quang | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Phó trưởng khoa, CN Xquang | Phòng khám đa khoa Hồng An (10 Lê Duẩn, Phường 1, TP Đông Hà, Quảng Trị) 2,3,4,5,6,7,CN (11h30-13h30; 17h00-21h00) |
| 74. | Nguyễn Thị Hoàng Oanh | 000346/QT-CCHN | Xét nghiệm đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Kỹ thuật viên trưởng, CN Xét nghiệm | |
| 75. | Hoàng Ngọc Sơn | 002824/QT-CCHN | Chụp X Quang | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | KTV Xquang | Không |
| 76. | Lê Thị Tuyết Nhung | 002928/QT-CCHN | Điều dưỡng hạng IV | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 77. | Trần Thị Hải Yến | 000285/QT-CCHN | Điều dưỡng đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Điều dưỡng viên | Không |
| 78. | Nguyễn Thị Ái Như | 001239/QT-CCHN | Xét nghiệm đa khoa | 2,3,4,5,6,7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Kỹ thuật viên | Không |
| 79. | Nguyễn Quang Phong | 000350/QT-CCHN | Chụp X Quang | 7,CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Cử nhân Xquang | BVĐK khu vực Triệu Phong – Cơ sở 2 2,3,4,5,6 (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) |
| 80. | Nguyễn Hữu Nhất Thất | 001213/QT-CCHN | Chụp X Quang | 7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | Cử nhân Xquang | BVĐK khu vực Triệu Phong – Cơ sở 2 2,3,4,5,6 (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) |
| 81. | Nguyễn Thị Bích Loan | 000348/QT-CCHN | Xét nghiệm đa khoa | 7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) | CN Xét nghiệm | BVĐK khu vực Triệu Phong – Cơ sở 2 2,3,4,5,6 (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trực 24/24h) |

Người đăng ký thực hành cấp Giấy phép hành nghề/ Điều chỉnh phạm vi hành nghề

| TT | Họ và tên | Vị trí chuyên môn | Thời gian thực hành | Văn bằng chuyên môn | Người hướng dẫn |
|-----|-----------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---|
| 1. | Lê Bảo Hoàn | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 17/07/2025 đến 17/07/2026 | Bác sĩ Y khoa | Phan Tuấn (000265/QT-CCHN), Khoa CC-HSTC, 17/07/2025-17/10/2025; Hồ Việt Anh (000267/QT-CCHN), Khoa Nội – Nhi-TN, 18/10/2025-17/01/2026; Nguyễn Thị Thùy Trinh (001548/QT-CCHN), Khoa Liên chuyên khoa, 18/01/2026-17/03/2026; Nguyễn Minh Sang (004205/QT-CCHN), Khoa Ngoại - Phụ sản - Phẫu thuật, 18/03/2026-17/05/2026; Phan Thị Hồng Sương (003548/QT-CCHN), Khoa YHCT-PHCN, 18/05/2026-17/07/2026 |
| 2. | Lê Văn Hiếu | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 08/08/2025 đến 08/08/2026 | Bác sĩ Y khoa | Trần Kim (000272/QT-CCHN), Khoa Nội-Nhi-TN, 08/08/2025-07/11/2025; Lê Văn Kha (000269/QT-CCHN), Khoa Liên chuyên khoa, 08/11/2026-07/01/2026; Phan Đức Huy (004094/QT-CCHN), Khoa CC-HSTC, 08/01/2026-07/04/2026; Nguyễn Nhật Linh (000092/QT-CCHN), Khoa Ngoại - Phụ sản - Phẫu thuật, 08/04/2026-07/06/2026; Phan Thị Hồng Sương (003548/QT-CCHN), Khoa YHCT-PHCN, 08/06/2026-08/08/2026 |
| 3. | Cao Thị Ánh Tuyết | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 13/10/2025 đến 13/10/2026 | Bác sĩ Răng hàm mặt | Phan Tuấn (000265/QT-CCHN), Khoa CC-HSTC, 13/10/2025-13/01/2026; Lê Văn Kha (000269/QT-CCHN), Khoa Liên chuyên khoa, 14/01/2026-13/10/2026 |
| 4. | Phạm Thị Hồng | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 11/12/2025 đến 13/06/2026 | Cao đẳng điều dưỡng | Trần Thị Thu Sương (000318/QT-CCHN), Khoa CC-HSTC, 11/12/2025-11/1/2026; Trần Thị Thu Vân (000289/QT-CCHN) khoa LCK - Ngoại - Nội Nhi (12/1/2026-13/06/2026) |
| 5. | Nguyễn Thị Trung | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 11/12/2025 đến 13/06/2026 | Cao đẳng điều dưỡng | Trần Thị Thu Sương(000318/QT-CCHN),Khoa CC-HSTC, 11/12/2025-11/1/2026; Trần Thị Thu Vân (000289/QT-CCHN), Khoa LCK - Ngoại - Nội - Nhi (12/1/2026-13/6/2026) |
| 6. | Hoàng Thị Thúy An | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 23/12/2025 đến 24/06/2026 | Cử nhân điều dưỡng (CN Sản phụ khoa) | Trần Thị Thu Sương(000318/QT-CCHN), Khoa CC-HSTC, 23/12/2025-23/1/2026; Hoàng Thị Kim Quy (001199/QT-CCHN), khoa Khoa Ngoại - Phụ sản - Phẫu thuật, Nội- Nhi-TN, 24/1/2026-24/6/2026 |
| 7. | Hoàng Thị Mỹ Lợi | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 23/12/2025 đến 24/06/2026 | Cử nhân điều dưỡng (CN Sản phụ khoa) | Trần Thị Thu Sương(000318/QT-CCHN), Khoa CC-HSTC, 23/12/2025-23/1/2026; Hoàng Thị Kim Quy(001199/QT-CCHN), Khoa Ngoại - Phụ sản - Phẫu thuật, Nội- Nhi-TN, 24/1/2026-24/6/2026 |
| 8. | Nguyễn Thị Thu Hà | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 19/01/2026 đến 19/07/2026 | Cao đẳng điều dưỡng | Trần Thị Thu Sương (000318/QT-CCHN), Khoa CC-HSTC, 19/01/2026-19/02/2026; Nguyễn Thị Hồng Nhung (000333/QT-CCHN), Khoa Nội-Nhi-TN (20/02/2026 - 20/7/2026) |
| 9. | Đoàn Thị Ngọc Trâm | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 10/03/2026 đến 10/09/2026 | Cử nhân điều dưỡng | Nguyễn Thị Thu Sương(000318/QT-CCHN), khoa HSCC, 10/3/2026-10/4/2026, Trần Thị Thu Vân(000289/QT-CCHN), khoa LCK 11/5/2026 đến 11/9/2026 |
| 10. | Hoàng Thị Quỳnh Trang | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 06/10/2026 đến 03/10/2027 | Trung cấp Y sỹ | Phan Tuấn(000265/QT-CCHN), khoa HSCC; Lê Văn Kha(000269/QT-CCHN), khoa LCK |
| 11. | Lê Thị Kim Anh | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 06/10/2026 đến 12/10/2027 | Cao đẳng điều dưỡng | Trần Thị Thu Sương(000318/QT-CCHN), khoa HSCC, 10/6/2026 đến 10/07/2026, Trần Thị Thu Vân(000289/QT-CCHN), khoa LCK từ 10/7/2026 đến 10/12/2026, |
| 12. | Lê Thị Huyền Trang | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 06/10/2026 đến 12/10/2027 | Trung cấp điều dưỡng đa khoa | Trần Thị Thu Sương(000318/QT-CCHN), khoa HSCC, 10/6/2026 đến 10/07/2026, Trần Thị Thu Vân(000289/QT-CCHN), khoa LCK từ 10/7/2026 đến |

| | | | | | |
|-----|------------------|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|--|
| | | | | | 10/12/2026, |
| 13. | Lê Thị Thúy Hằng | Thực hành cấp Giấy phép hành nghề | Từ 06/10/2026 đến 12/10/2027 | Trung cấp điều dưỡng đa khoa | Trần Thị Thu Srong(000318/QT-CCHN), khoa HSCC, 10/6/2026 đến 10/07/2026, Trần Thị Thu Vân(000289/QT-CCHN), khoa LCK từ 10/7/2026 đến 10/12/2026, |

5. Danh sách đăng ký người làm việc:

| STT | Họ và tên | Văn bằng chuyên môn | Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc) | Vị trí làm việc ⁴ | Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có) ⁴ |
|-----|----------------------|---------------------|---|---|--|
| 1. | Trần Lê Nguyên Hưng | Chuyên viên | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng KHNV | Không |
| 2. | Văn Thị My Nương | CN Kế toán | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phó trưởng phòng TCHC | Không |
| 3. | Lê Thành Chung | KTV tin học | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng TCHC | Không |
| 4. | Nguyễn Thị Thường | TC VTLT | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng TCHC | Không |
| 5. | Lê Mạnh Hùng | Lái xe | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng TCHC | Không |
| 6. | Lê Chinh Nhân | Lái xe | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng TCHC | Không |
| 7. | Trần Thị Thùy Trang | Chuyên viên | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng TCHC | Không |
| 8. | Lê Kim Đình | Dược sĩ CKI | 2,3,4,5,6 (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Trưởng Khoa Dược- Vật tư-Trang thiết bị | Phòng khám đa khoa Khải Hoàn (27 Lê Quý Đôn, Phường 1, TP Đông Hà, Quảng Trị) 2,3,4,5,6 (11h30-13h30; 17h00-22h00) 7,CN (7h00-17h00) |
| 9. | Trần Thị Anh Thu | Dược sĩ CKI | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phó trưởng Khoa Dược - Vật tư- Trang thiết bị | Không |
| 10. | Nguyễn Thị Khánh Vân | Dược sĩ CKI | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Dược - Vật tư- Trang thiết bị | Không |
| 11. | Đoàn Thị Hồng Nhung | Dược sĩ ĐH | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Dược - Vật tư- Trang thiết bị | Không |
| 12. | Phan Thị Mỹ Hạnh | Dược sĩ CĐ | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Dược - Vật tư- Trang thiết bị | Không |

| | | | | | |
|-----|-----------------------|-------------------------|--|--|-------|
| 13. | Nguyễn Thị Thu Lương | Dược sĩ CD | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Dược - Vật tư- Trang thiết bị | Không |
| 14. | Trần Xuân Lộc | KTV TTB YT | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Dược - Vật tư- Trang thiết bị | Không |
| 15. | Trần Đức Duy | Dược sĩ CD | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Dược - Vật tư- Trang thiết bị | Không |
| 16. | Nguyễn Hoàng Vũ | Dược sĩ ĐH | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Dược - Vật tư- Trang thiết bị | Không |
| 17. | Phan Thị Lan Anh | ThS Quản lý kinh tế | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Trưởng Phòng TCKT | Không |
| 18. | Nguyễn Thị Oanh | CN Kế toán | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng TCKT | Không |
| 19. | Võ Đoàn Minh Nguyệt | CN Kế toán | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng TCKT | Không |
| 20. | Bùi Thị Diệp Kiều | CN Kế toán | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng TCKT | Không |
| 21. | Hoàng Thị Gái | Kế toán TH | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng TCKT | Không |
| 22. | Phạm Thị Bích Huệ | CN Tài chính Kế toán | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Phòng TCKT | Không |
| 23. | Lê Thị Túy | Hộ lý | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Nội – Nhi -TN | Không |
| 24. | Hoàng Thị Hà | Hộ lý | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực | Không |
| 25. | Phan Thị Lành | Hộ lý | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa YHCT- PHCN | Không |
| 26. | Hoàng Thị Châu Phượng | Hộ lý | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Ngoại – Phụ sản - PT | Không |
| 27. | Phan Thị Thu Loan | Hộ lý | 2,3,4,5,6,7, CN (Sáng 7h-11h30; Chiều 13h30-17h; Trục 24/24h) | Khoa Liên chuyên khoa | Không |

Triệu Phong, ngày 10 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Hoàng Thanh Hải

